

CHIẾN SỬ QLVNCH: MÙA HÈ ĐỎ LỬA 1972

Tờ mờ sáng Chúa nhật 26/6/1950, bảy Sư Đoàn bộ binh Bắc Hàn, với quân số tổng cộng hơn 90,000 người, được yểm trợ bởi một Lữ Đoàn Thiết giáp, gồm 150 chiến xa T-34 của Nga Xô và lực lượng không quân hùng mạnh với 135 chiếc oanh tạc cơ cùng chiến đấu cơ. Tất cả ngang ngược vượt đường ranh ngăn đôi tạm thời hai nước Triều Tiên, tại vĩ tuyến 38 để tấn công Nam Hàn.

Hai mươi hai năm sau đó, vào giữa trưa ngày 30/3/1972, nhằm mùa lễ Phục sinh của người Thiên Chúa Giáo, cũng là ngày thứ năm Tuần thánh (Holly Thursday). Lợi dụng mọi người đang xem lễ, cầu nguyện trong những giờ phút thiêng liêng, như dịp Tết Mậu Thân 1968. Cộng sản Đệ tam quốc tế Hà Nội, mở một cuộc tấn công ác liệt nhất trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2 (1955/1975) vào khắp lãnh thổ VNCH. Chỉ riêng mặt trận giới tuyến, Hà Nội đã sử dụng một lực lượng quân sự vô cùng hùng hậu trên 40,000 người, gồm các Sư Đoàn chủ lực 304, 308, năm trung đoàn biệt lập của B-5 là 126, 31, 246, 270, đặc công, hai trung đoàn chiến xa mang số 203, 204 gần 400 chiếc và năm trung đoàn pháo binh nặng. Tất cả đồng loạt vượt sông Bến Hải tràn qua khu phi quân sự, pháo tập và tấn công biển người vào lãnh thổ VNCH tại tỉnh Quảng Trị.



Hai trận chiến trên rất giống nhau và cũng khác nhau, giống vì cả hai hiệp định ngưng chiến Cao-ly và Việt Nam, đều do Liên Hiệp Quốc chủ xướng, được ký tại Postdam (7/1945) và Genève (20/7/1954), trong đó có Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung cộng, Bắc Hàn, Bắc Việt ký vào văn bản. Còn hai nạn nhân là Nam Hàn và Nam Việt, chỉ đứng chầu rìa lơ láo bên lề hội nghị, để nuốt máu lệ và nổi nhục nhục tiêu mà thôi. Riêng Bắc Hàn và Bắc Việt đều là chư hầu của Nga-Tàu, trước sau và tới bây giờ vẫn là những đảng cộng

sản quốc tế còn sót lại, cuồng tín, cuồng sát và hung hăng hiếu chiến, không thua gì Trung cộng. Tất cả những thảm họa chiến tranh, từ mấy chục năm qua trên bán đảo Đông Dương và Triều Tiên, cũng đều do hai nước cộng sản này gây nên, qua sự chỉ đạo của đàn anh Nga–Tàu cùng khối xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên cũng có sự khác biệt, đó là ngay khi Bắc Hàn hùng hổ lộng hành tràn qua vĩ tuyến 38, thì lập tức bị Mỹ và LHQ đánh đuổi trở lại bên kia giới tuyến. Nhưng đối với hành động xâm lăng trắng trợn của Bắc Việt thì lại khác, chẳng những không bị các nước đồng chủ tịch, tại hội nghị Genève 1954 phản đối, mà ngay cả tổ chức Liên Hiệp Quốc cũng im re. Còn Mỹ thì có gì để nói, khi Nixon và Kissinger đã quyết định bỏ chạy khỏi VN. Bởi vậy, Hà Nội càng hung hăng tàn bạo, tán tận lương tâm, pháo tập, trực xạ, chém giết thẳng tay hàng vạn đồng bào vô tội, bị kẹt trong vùng lửa khói giao tranh, trên khắp các nẻo đường đất nước, mà kinh khiếp và tàn nhẫn nhất, chắc chắn không đâu có thể sánh nổi với đoạn đường chín cây số, từ quận Hải Lăng về Mỹ Chánh, thuộc tỉnh Quảng Trị.

Ngậm máu phun người trước dơ miệng mình, đặt chuyện chụp mũ Mỹ và Quân Lực VNCH trong chiến tranh, là một sự tuyên truyền rất rẻ tiền của Bắc Việt, chẳng những từ trước năm 1975, mà sau này các văn nô Hà Nội, trong đó có cán gái Dương Thu Hương (tiểu thuyết Vô Đê), đều là chuyện bình thường và xảy ra hằng ngày như cơm bữa. Bởi vậy giờ đâu còn ai tin những chuyện QLVNCH hãm hiếp, bắn giết tù binh VC, hay những chuyện quân đội Hoa Kỳ bắn giết bừa bãi thường dân Việt tại Mỹ Lai–Quảng Ngãi hay mới đây là chuyện Mỹ gài mìn trên cầu Nogunri ở Bắc Hàn vào tháng 7/1950, trước khi rút lui, làm thiệt mạng thường dân trên đường chạy loạn hay có thể bị Bắc Cao xua đi đầu dọn bãi mìn, như Bắc Việt từng làm tại An Lộc, Bình Định, Kontum... Nhưng dù có chạy tội cách nào chẳng nữa, thì đoạn đường xương trắng máu hồng từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, cũng đã trở nên Đại Lộ Kinh Hoàng, ngàn đời muôn kiếp, trong bia miệng, bia đời và những trang sử của VN cùng nhân loại.

Hãy đọc G.H. Turley nguyên Đại tá cố vấn TQLC, trong tác phẩm The Easter Offensive, thuật lại lời Thiếu tá Mỹ tên Sheridan vốn là một nhân chứng trong đoàn quân di tản khỏi thành phố Quảng Trị “*không ngờ tôi đã làm nhân chứng cho một hình ảnh thảm khốc, của cuộc chiến VN. Các pháo thủ bộ đội Bắc Việt, với lý do mà tôi không thể nào giải thích nổi, khi tập trung các loại pháo nặng, Thiết giáp để trực xạ vào đoàn người di tản. Khiến cho hàng ngàn người đã gục chết oan khiên, trong đó phần lớn là người già yếu, đàn bà và trẻ nít...*”. Còn ký giả A.R. Isaaca thì viết “*vào tháng 6/1972, tôi theo lực lượng Nhảy Dù của VNCH trở lại tái chiếm Quảng Trị. nên được tận mắt nhìn thấy những thảm họa của đồng bào khi chạy lánh nạn trên Đại Lộ Kinh Hoàng kéo dài hàng chục dặm trên đoạn đường bị thiết này, toàn là những xác xe cộ, trong đó nhiều chiếc còn nguyên tử thi của các nạn nhân. Tất cả đã biến dạng sau hai tháng dãi dầu chịu đựng mưa nắng. Dù quân sĩ cố gắng chôn cất cho họ, nhưng vì quá nhiều, nên vẫn còn nhiều xác kẹt trong xe, suốt hai bên đường Quốc lộ số 1*”.

Nhưng diễn tả đúng mức sự tàn ác dã man có một không hai của bộ đội Bắc Việt, nhắm vào đồng bào mình, là nhà văn quân đội Phan Nhật Nam trong tác phẩm Mùa Hè Đỏ Lửa

1972 “sự chết trên 9 cây số đường này, là chín cây số trời chết, đất chết, chết trên mỗi hạt cát, chết trên đầu ngọn lá và vạn vật chết trong lòng ánh sáng, thứ ánh sáng có mùi người...” Thê thảm quá, bất lương ghê cho chiến tranh không biên giới và những người Việt cộng do Hồ Chí Minh ương trông, không còn một chút tình VN và hơi hám của con người đi bằng hai chân biết nói.

1. Quảng Trị, miền địa đầu giới tuyến:

Tỉnh Quảng Trị nằm ngay địa đầu giới tuyến ngăn đôi đất nước bởi dòng Bến Hải. Đây là một con sông nhỏ phát nguyên từ dãy Trường Sơn, chảy ra Đông Hải tại cửa Tùng. Tỉnh bắc giáp quận Vĩnh Linh phía bên kia giới tuyến, tây giáp Lào, phía nam là tỉnh Thừa Thiên và phía đông là biển. Trước khi xảy ra trận mùa hè năm 1972, tỉnh Quảng Trị có diện tích 3,966km², dân số 270,984 người. Sau khi kết thúc trận chiến mùa hè vào tháng 9/1972, diện tích Quảng Trị chỉ còn có 164,900km², với ba quận Triệu Phong, Mai Lĩnh và Hải Lăng nhưng dân số tới 202,338 người. Điều này cho thấy, Bắc Việt gây chiến tranh, chỉ chiếm được đất chứ không bao giờ thu phục được nhân tâm, bởi sự tàn ác dã man của bộ đội miền Bắc, đi tới đâu thì đồng bào đều phải bỏ của để chạy lấy mạng.

Rừng núi Trường Sơn chiếm 2/3 lãnh thổ tỉnh, chạy dài từ bắc tới nam. Tỉnh có ba con sông chính là Bến Hải, Thạch Hãn và Mỹ Chánh mà cả ba đã vô tình qua sự sắp xếp của lịch sử, trở thành ba con sông biên giới trong các giai đoạn chiến tranh VN. Tỉnh còn có hai Quốc lộ 1 và 9, cũng là hai chứng tích lịch sử về việc đồng bào chiến nạn tỉnh Quảng Trị bị thảm sát.

Quảng Trị du nhập vào Mệ VN từ năm 1069 khi vua Lý Thánh Tông, thân chinh đánh Chiêm Thành bắt được vua Chế Củ. Để chuộc mạng, vua dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chánh (tức Quảng Bình và một phần Quảng Trị ngày nay). Sau đó vào năm 1306 Huyền Trân Công Chúa gả cho vua Chế Mân, đem về cho Đại Việt hai châu Ô và Lý. Hai châu này sau đó được vua Trần Nhân Tông đổi thành đất Thuận–Hóa vào năm 1307. Các quận Triệu Phong, Mai Lĩnh và Hải Lăng ngày nay là đất Hóa thời nhà Trần. Quảng Trị cũng là đất khởi nghiệp của Họ Nguyễn, khi Chúa Nguyễn Hoàng được vào trấn thủ Thuận Hóa vào tháng 10 năm Mậu Ngọ (1588). Ông lập dinh tại Ái Tử, quận Triệu Phong. Vì là đất cổ của Đại Việt, nên Quảng Trị có nhiều di tích lịch sử như đền thờ Trần Nhật Duật, thành Tân Sở nơi vua Hàm Nghi xuất bôn xuống hịch Cần Vương chống Pháp vào năm 1885, Vương Cung Thánh Đường La Vang (Mai Lĩnh), cổ thành Đình Công Tráng.



Cổ thành Đinh Công Tráng được xây dựng từ năm 1823 thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn đắp bằng đất. Năm 1838 thành được xây lại bằng đá gạch, với chu vi 481 trượng 6 thước, cao 1 trượng, dày 3 trượng. Thành có 4 cửa, chung quanh được bao bọc bởi vòng hào, rộng 4 thước, sâu 8 thước. Trước năm 1972, cổ thành là doanh trại của Sư Đoàn 101 Không kỵ Hoa Kỳ. Vào năm 1972, trong cổ thành có tiểu khu Quảng Trị và Bộ Tư Lệnh của Sư Đoàn 3 bộ binh. Tóm lại đây là một công sự phòng thủ quân sự kiên cố, nhất là trung tâm hành quân của Tướng Vũ Văn Giai tư lệnh SĐ3BB, cũng là tư lệnh chiến trường miền giới tuyến Quảng Trị, trong trận mùa hè năm 1972.

Làm như để đáp ứng cùng với chính phủ Hoa Kỳ trong các cuộc họp mật khi quân Mỹ lần lượt rút khỏi Nam VN, cộng sản Bắc Việt cũng đóng kịch giảm quân và cường độ tấn công vùng giới tuyến so với những năm về trước. Do trên, các cấp lãnh đạo VNCH, từ trung ương tới Quân Đoàn I, đã tin tưởng là Hà Nội sẽ chẳng bao giờ có ý đồ tấn công qua sông Bến Hải. Đây chính là lý do đã giao trọng trách phòng thủ miền giới tuyến, cho một Sư Đoàn bộ binh tân lập, chỉ mới hình thành được vài tháng. Đó là Sư Đoàn 3 bộ binh, thành lập cuối năm 1971 có quân số vào khoảng 11,203 người. Trong các đơn vị cơ hữu, chỉ có Trung Đoàn 2 BB rất thiện chiến, vì là một đơn vị tác chiến lâu đời của Sư Đoàn 1 BB lừng danh miền giới tuyến. Riêng hai Trung đoàn 56 và 57 tân lập mà quân số được bổ sung, từ các lao công đào binh, quân dịch và các đơn vị ĐPQ + NQ Vùng I chiến thuật... Sư Đoàn cũng chưa có kinh nghiệm hành quân và tác chiến cấp vùng...

Quảng Trị lúc đó, được tăng phái thêm Lữ Đoàn 147 TQLC của Trung tá Nguyễn Năng Bảo đóng tại Mai Lộc về phía tây tỉnh, với trách nhiệm phòng thủ các căn cứ Ba Hô, Sarge, Holcomb và Phượng Hoàng. Riêng SĐ3BB phòng thủ vĩ tuyến: Trung đoàn 56BB đóng trong căn cứ hỏa lực Carroll lớn nhất tỉnh, do Trung tá Phạm Văn Đính chỉ huy trách nhiệm phòng thủ các căn cứ Fuller, Khe Gió tiếp cận với Lữ Đoàn 147 TQLC... Trung đoàn 2 BB đóng tại căn cứ A-4 (Cồn Thiên) và Trung đoàn 57BB trách nhiệm căn cứ C-1 (Gio Linh), chạy tới cầu Hiền Lương trên Quốc lộ 1, về tới căn cứ Ái Tử... Phía bên kia Quốc lộ tới biển, do lực lượng ĐPQ+NQ tỉnh Quảng Trị bảo vệ.

2. Trận chiến Mùa Hè 1972 tại Quảng Trị:

Đúng 12:00g trưa ngày 30/3/1972, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tổng tư lệnh quân đội miền Bắc khai pháo mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ, xua 40,000 quân vượt vĩ tuyến 17, cũng là con sông Bến Hải, tấn công QLVNCH trong tỉnh Quảng Trị. Để mở đường qua sông, pháo binh cộng sản, với các loại đại bác nòng dài 130ly, cũng như hỏa tiễn 122ly, từ Vĩnh Linh bên kia cầu Hiền Lương, đồng loạt bắn phá tất cả các căn cứ hỏa lực của VNCH, với mức độ tàn phá kinh khủng chưa từng có.

Ngay lúc hai Trung đoàn 2 và 56/SĐ3BB đang hoán chuyển vùng, nên bị tổn thất nặng nề về nhân mạng, đồng thời làm cho tinh thần binh sĩ nhất là Trung đoàn 56 giao động mạnh và hoảng sợ. Sau đó bộ binh, chiến xa Bắc Việt, từ bốn hướng tấn công đồng loạt, mục đích không cho QLVNCH tiếp ứng lẫn nhau, khiến cho các căn cứ hỏa lực lần lượt thất thủ, vì pháo kích và các cuộc tấn công biển người... Tuy nhiên quân cộng sản cũng vấp phải sự chống cự mãnh liệt khắp nơi, nhất là tại các căn cứ của Lữ Đoàn 147 TQLC và Trung đoàn 2BB. Trán giữ. Đại chiến long trời lở đất khắp nơi tại Quảng Trị, dù được khẩn báo về Sài Gòn và Đà Nẵng, nhưng lúc đó dường như cả hai cấp chỉ huy quân sự cao nhất, vẫn còn chưa tin là Hà Nội dám vượt sông Bến Hải. Chính điều này, đã làm cho bao nhiêu sinh mạng của đồng bào và người lính, chịu thương vong oan khiên trên các con đường di tản, trước biển giặc.

Mãi tới 6:00g chiều ngày 30/3/1972, Lữ Đoàn 258 TQLC và Thiết đoàn 20 chiến xa M48, được tăng cường cho SĐ3BB tại mặt trận Đông Hà... Ngay lúc đó, SĐ308 cộng sản đang tấn công Tiểu đoàn 4 TQLC tại hai căn cứ Sarge và đỉnh núi Ba Hô. Còn SĐ304 thì tấn công Tiểu đoàn 8 TQLC tại căn cứ Holcomb. Thời tiết lại quá xấu, nên không quân không thể yểm trợ hỏa lực cho các căn cứ trên, còn hải pháo cũng chỉ yểm trợ tới các căn cứ hỏa lực ở phía đông gần biển mà thôi. Riêng các Pháo đội đại bác 105, 155 kể cả 175ly của VNCH, cũng không thể đương đầu nổi, với hàng trăm khẩu pháo nặng 130ly của Bắc Việt.

Rồi thì căn cứ Ái Tử, nơi đặt Bộ Chỉ Huy tiền phương của SĐ3BB cũng bị pháo kích nặng nề. Đồng bào từ các quận Cam Lộ, Hương Hóa, Gio Linh, Đông Hà, bất kể Kinh hay Thượng, ùn ùn bỏ làng xóm, tài sản, kéo nhau chạy về thành phố Quảng Trị để trốn lánh chiến hỏa. Trên đường đào sanh, hàng ngàn người đã làm mồi cho đạn pháo binh và Thiết giáp của bộ đội miền Bắc, gây thêm rối loạn cho các đơn vị của ta, vì vừa phải bảo vệ cho dân chúng, lại vừa chiến đấu với giặc trong cơn nguy ngập... Đạn pháo của địch càng lúc càng dữ tợn, hung tàn, phá hết tất cả, không cần phân biệt xóm làng, chùa nhà thờ, dân lính, thành phố đông người... Do đó trong phút chốc, những khu đông dân như Cam Lộ, Đông Hà trở thành địa ngục trần gian đau khổ, mà không một ai, có thể ngờ tới.

Ngày 31/3 căn cứ hỏa lực của TĐ4 TQLC tại núi Ba Hô và Sarge bị tràn ngập, phải di tản vào lúc 9:40g tối, sau khi hứng chịu nhiều thương vong.

Ngày 1/4 các căn cứ Đông Hà, Cam Lộ, Ái Tử bị pháo kích nặng nề nhưng cộng sản vẫn chưa chiếm được, nhờ hải pháo của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ, từ ngoài khơi Quảng Trị bắn vào yểm trợ, trong lúc thời tiết càng xấu thêm, nên không quân không thể yểm trợ hữu hiệu. Bởi vậy lần lượt các căn cứ hỏa lực A-1, A-2, A-3, A-4 do SĐ3BB trấn giữ bị tấn chiếm, còn căn cứ Fuller và Khe Gió thì di tản chiến thuật.

Căn cứ Holcomb của TĐ8TQLC, bị tràn ngập lúc 12:30g khuya đêm 2/4. Tình hình chiến sự rối loạn khắp nơi, cùng lúc tình cảnh của dân chúng chạy loạn cũng vô cùng thảm, khiến cho các cấp chỉ huy của SĐ3BB và tiểu khu Quảng Trị gần như bó tay, vì không tìm ra kế hoạch nào, để ổn định tình thế.

Rồi BTL tiền phương của SĐ3BB được lệnh rút về thành phố Quảng Trị. Lữ Đoàn 258 TQLC, được tăng cường thêm TĐ3PB/TQLC và TĐ7TQLC, lãnh thêm nhiệm vụ phòng thủ căn cứ Ái Tử. Trong lúc đó căn cứ hỏa lực Carroll của Trung đoàn 56 BB bị vây khốn nhưng không có quân tiếp viện. Trung đoàn 57 cũng được lệnh bỏ căn cứ Gio Linh, rút về bờ nam Đông Hà, để lại cho giặc nhiều khẩu đại bác 155ly.



6:30g sáng ngày 2/4/1972, bỗng có tin TQLC Hoa Kỳ đã đổ bộ vào bờ biển Quảng Trị, để tiếp viện cho QLVNCH. Tin trên làm cho quân dân trong tỉnh vô cùng phấn khởi nhưng Hà Nội biết trước là tin vịt, nên càng tấn công mạnh khắp nơi. Cùng ngày TĐ3TQLC và Thiết đoàn 20 chiến xa M48, được lệnh giữ cầu Đông Hà. Trận chiến trở nên ác liệt, vì bộ đội và chiến xa cộng sản, chuẩn bị vượt cầu Đông Hà. Ngày 3/4, Trung Đoàn 2BB bị bộ đội Bắc Việt truy đuổi khi rút về Cam Lộ, nên không kịp dùng mìn phá cầu. Tại căn cứ Carroll do Trung tá Phạm Văn Đính chỉ huy, gồm Trung đoàn 56BB, các pháo đội diện địa, tổng cộng quân số trên 2,000 người, kéo cờ trắng đầu hàng quân Bắc

Việt. Đây là trường hợp duy nhất trong cuộc chiến Đông Dương lần 2. Tình hình đã quá nguy ngập, nên cầu Đông Hà được lệnh giật sập, chặn được bước tiến của giặc trong một thời gian ngắn. Lữ Đoàn 369 TQLC lại được tăng cường thêm cho Quảng Trị.

Ngày 4/4, Lữ Đoàn 147 TQLC cũng phải bỏ luôn căn cứ Mai Lộc, vì không chịu nổi pháo kích và chiến thuật tấn công biên người. Vì quân số bị hao hụt quá nhiều, nên Lữ Đoàn này được lệnh về Huế bổ sung và tái trang bị... Riêng TĐ7TQLC vì quân số còn nguyên vẹn, nên được lệnh giữ đường huyết mạch QL số 1, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh. Như vậy về phía tây, chỉ còn có TĐ1TQLC, trấn giữ căn cứ Phụng Hoàng, làm tiền đồn bảo vệ thành phố mà thôi.

Do tình hình quá khẩn cấp và nguy ngập, nên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I tăng cường thêm cho Quảng Trị nhiều đơn vị. Như vậy tính đến ngày 5/4, chiến trường này có 2 Trung đoàn bộ binh của SĐ3 là 2 và 57, hai Lữ Đoàn 258 và 369 TQLC, bốn Liên Đoàn Biệt Động Quân, hai Thiết đoàn 17 (M113) và 20 (M48), 24 Tiểu đoàn Địa Phương Quân + NQ và 8 Tiểu đoàn Pháo binh. Nhưng vì lệnh chỉ huy không thống nhất, giữa Tướng Hoàng Xuân Lãm (Tư lệnh QĐI) từ Đà Nẵng và Chuẩn tướng Vũ Văn Giai (Tư lệnh SĐ3BB) tại chiến trường, khiến cho tình thế đã không được ổn định, mà càng gây thêm rắc rối trên khắp các mặt trận. Cuối cùng Quảng Trị đã thất thủ, chỉ sau mấy ngày bị pháo kích đã ban lệnh di tản.

Ngày 8/4, sau mấy ngày bị tổn thất vì mưa pháo, TĐ3TQLC phải hoán chuyển về Ái Tử và BĐQ ra thay thế giữ bờ nam Đông Hà. Tại căn cứ Phụng Hoàng, cộng sản đã thảm bại khi trực chiến với TĐ6TQLC, thiệt hại hơn một trung đoàn bộ đội, 21 chiến xa T54 bị cháy, phần lớn do Không quân Việt-Mỹ oanh kích, bãi mìn cùng pháo binh. Hai chiếc T54 khác bị bắt sống đem về thành phố Quảng Trị. Nhưng sau đó, TĐ6TQLC cũng được lệnh bỏ căn cứ Phụng Hoàng vào ngày 12/4.

Ngày 14/4 : Một cuộc hành quân đại qui mô, do Trung tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ Huy, mang tên Quang Trung 729, khai diễn ngày 14/4 với mục đích tái chiếm các căn cứ ở phía tây đã mất. Nhưng cùng lúc, cộng sản Bắc Việt đã mở ba cuộc tấn công lớn vào Ái Tử, Đông Hà và căn cứ Anne ở phía nam, đối diện với quận Hải Lăng. Mục đích là muốn cắt đứt con đường huyết mạch của QLVNCH, từ Quảng Trị về Huế. Để chống lại âm mưu trên, Tướng Giai chia các lực lượng đang tham chiến tại đây thành 5 chiến đoàn đặc nhiệm: Trung đoàn 57 BB giữ bờ nam sông Đông Hà. Thiết đoàn 1 + 20 + 2 LĐ 4, 5 BĐQ do Đại tá chỉ huy trưởng LĐ1TG chỉ huy, tái chiếm căn cứ Carroll. Lữ Đoàn 258 TQLC từ Ái Tử, tái chiếm căn cứ Mai lộc. Trung đoàn 2BB giữ mặt trận từ Ba Lòng tới bờ tây sông Thạch Hãn, ngăn không cho quân Bắc Việt tấn công thành phố. Cuối cùng là Liên Đoàn I BĐQ, gồm các Tiểu đoàn 21, 37 và 77, giữ con đường huyết mạch từ Quảng Trị tới quận Hải Lăng. Chiến cuộc thật sự bùng nổ lớn, tất cả các cánh quân đều chạm địch và bị pháo kích nặng nề. Bởi vậy thay vì quân ta tấn công, lại bị giặc đẩy ngược về phía thành phố. Trong số này, nguy khốn nhất là cánh quân của LĐ5 BĐQ và Thiết đoàn

20 chiến xa. Tuy nhiên tính đến ngày 18/4, các đơn vị của QLVNCH vẫn còn giữ vững được các vị trí chịu trách nhiệm.

Ngày 22/4, Lữ Đoàn 147 TQLC sau khi được bổ sung và tái trang bị, được lệnh trở ra Quảng Trị, thay thế Lữ 258 TQLC phòng thủ căn cứ Ái Tử. Trong đêm CS pháo kích làm kho tiếp liệu của SĐ3BB tại La Vang, trong đó có kho xăng dầu và cả một đoàn xe tiếp tế quân trang dụng của Bộ Chỉ Huy 1 Tiếp Vận từ Đà Nẵng tới.

Ngày 23/4, bất chấp sự thiệt hại to lớn trong những ngày đụng độ vừa qua với QLVNCH, Không quân và Hải pháo của Việt-Mỹ, cộng sản Hà Nội vẫn điên cuồng tấn công khắp nơi bằng biên người, bất chấp sinh mạng con người của cả hai phía, trong đó phần lớn là đồng bào chạy lánh nạn. Trong lúc đó gần tháng qua, người lính miền Nam các cấp, từ TQLC, BĐQ, Thiết giáp, Bộ Binh, ĐPQ + NQ... ngày đêm thiếu ăn mất ngủ, chỉ đứng dưới giao thông hào, chịu pháo, chịu đạn giữa trời mưa gió. Trong lúc đó khắp các nẻo đường Quảng Trị, càng lúc càng chết chóc thê thảm, bởi cảnh pháo kích bừa bãi của cộng sản. Quảng Trị đã thật sự trở thành địa ngục trần gian thứ hai, sau địa ngục An Lộc.

Ngày 27/4, tất cả nòng súng đại pháo của quân Bắc Việt, đều tập trung vào tỉnh lỵ, căn cứ hỏa lực Ái Tử, các quận Mai Lĩnh, Hải Lăng. Trong lúc đoàn người tị nạn thay vì tập trung tại Quảng Trị, lại ùn ùn tiếp tục bỏ chạy về Huế tìm sinh lộ, gây cảnh hỗn loạn trên Quốc lộ 1. Các cánh quân cũng bắt đầu náo động vì vợ con tan tác chạy lánh nạn. Do đó nhiều đơn vị đã tự động di tản, làm cho Bộ Tư Lệnh SĐ3BB cũng là đầu não chiến trường, mất liên lạc với một số lớn đơn vị trực thuộc. Đúng lúc, kho đạn lớn trong căn cứ Ái Tử lại phát nổ.

Ngày 28/4, trước áp lực của địch, cánh quân của Lữ 5BĐQ và TĐ20 rút về phía bên kia cầu Vĩnh Phước nhưng bị pháo 130ly của Cộng sản bắn sập cầu, khiến nhiều xe M48 và đại bác 105, 155ly bỏ lại bên bờ Bắc. Cũng từ phút đó, các cánh quân còn lại của Lữ 4, 5 BĐQ, Lữ 1 Thiết Kỵ và Trung Đoàn 57 BB, phải lui về phòng thủ căn cứ Ái Tử và thành phố Quảng Trị.

Ngày 29/4, lúc 2:00g sáng, cộng sản tấn công Trung đoàn 2BB và Thiết đoàn 17, tại căn cứ ở phía tây thành phố, trong lúc đó về phía bờ biển, cộng sản với bộ binh có chiến xa lội nước PT76, tấn công các Tiểu đoàn ĐPQ + NQ của tiểu khu Quảng Trị. Tình trạng hỗn loạn khắp nơi, khiến cho Tướng Giai phải quyết định bỏ căn cứ Ái Tử, rút hết về bờ nam sông Thạch Hãn phòng thủ. Lúc đó Trung đoàn 57 BB coi như tan hàng, vì hầu hết binh sĩ đã rã ngũ, để chạy theo gia đình đang di tản về Huế. Quốc lộ số 1 đã bị cộng sản đóng chốt nhiều đoạn, từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, vì Tiểu đoàn 7 TQLC bị chuyển ra phòng thủ căn cứ Ái Tử. Do đó đoạn đường huyết mạch, chỉ có chín cây số, bị bỏ ngỏ để quân cộng sản đóng chốt, đã trở thành con đường xương trắng máu hồng, mà bia miệng và sử liệu gọi là Đại Lộ Kinh Hoàng hay là Mò Chôn tập thể đồng bào tỉnh Quảng Trị, trong trận chiến Mùa Hè Năm 1972.

3. Rút bỏ Quảng Trị:

Ngày 30/4, tư lệnh chiến trường kiêm tư lệnh SĐ3BB là chuẩn Tướng Vũ văn Giai, triệu tập phiên họp đặc biệt và quan trọng, để bàn kế hoạch giữ thành phố Quảng Trị và bỏ căn cứ hỏa lực Ái Tử. Do đó trong cuộc lui quân, LD147 TQLC và TĐ2. Pháo binh/TQLC, với quân số trên 2,000 người, khi quân qua cầu Thạch Hãn thì cầu bị sập, khiến cho một số lớn chiến xa, xe cộ, đại bác và quân trang dụng... phải bị bỏ lại phía bên kia cầu cho cộng sản. Lúc đó Lữ Đoàn 369 TQLC được tăng cường với nhiệm vụ giữ mặt tây từ sông Ô Khê tới đầu cầu Mỹ Chánh, ranh giới hai tỉnh Thừa Thiên & Quảng Trị. Đồng thời phải giải tỏa Quốc lộ số 1, đoạn từ Hải Lăng về Mỹ Chánh, đang bị quân cộng sản chiếm và đóng chốt, nhất là cầu sông Nhung, nằm giữa Quốc lộ 1. Tình trạng này, đã làm gián đoạn giao thông, đoàn xe di tản của dân và lính, dài hơn ba cây số. Đây là mục tiêu chính, để quân Bắc Việt tha hồ tác xạ dữ dội và tàn nhẫn, bằng đủ loại súng lớn nhỏ, từ cá nhân, cộng đồng, đại bác tới Thiết giáp. Hàng ngàn xe cộ, quân xa cũng như xe dân sự, đồng bào, lính tráng chết thảm thương trong những xác xe cháy nằm la liệt khắp đường. Chỉ những kẻ biết bơi lội, mới sổng sót được khi bơi qua sông Nhung, chạy về Mỹ Chánh.



Ngày 1/5/1972, Tướng Giai tuyên bố bỏ thành phố Quảng Trị và di tản chiến thuật. Tin trên chẳng những làm mười bảy triệu dân miền Nam đau xót bùi ngùi, mà còn khiến cho toàn thể thế giới sửng sốt. Tất cả không ai tin được là tại sao tỉnh Quảng Trị, lại bị lọt vào tay giặc một cách quá dễ dàng, nếu đem so sánh với sự kinh hồn bạt vía, trời long đất lở, hoàn cảnh nguy ngập tại hai mặt trận Kontum và nhất là địa ngục An Lộc lúc đó, không một chiếc xe tăng hay đại pháo và bị vây khốn giữa chôn ba quân bạt ngàn, có sức mạnh chẻ tre chém đá. Theo Lê Huy Anh Vũ, Trung tá thuộc phòng điện ảnh quân đội, một nhân chứng trong ba ngày cuối cùng tại Bộ tư lệnh SĐ3BB, đã viết Tướng Giai có hứa với thuộc hạ, là sẽ cùng với họ đi bộ. Nhưng cuối cùng tướng tư lệnh đã thất hứa, đã cùng với các cố vấn Mỹ và một ít sĩ quan tham mưu thân cận, lên trực thăng bay về Huế lúc 16:40g cùng ngày. Cỗ thành Đinh Công Tráng–Quảng Trị, một căn cứ hỏa lực và phòng

thủ vững chắc gấp 100 lần thị xã An Lộc, bị bỏ ngỏ và lọt vào tay cộng sản Bắc Việt, tối ngày 2/5/1972.

Giữa lúc đó, cánh quân còn lại tại Quảng Trị, gồm Lữ Đoàn 147 TQLC, Liên đoàn 1 Biệt động quân và các đơn vị của SĐ3BB, vừa phải bảo vệ dân chúng di tản, vừa mở đường máu, vừa đưng độ và lãnh đạn pháo kích nặng nề của giặc nhưng cuối cùng cũng đã thoát được về Huế, sau khi lãnh chịu nhiều thương vong thê thảm. Như vậy tính đến ngày 2/5/1972, tỉnh Quảng Trị coi như hoàn toàn bị Bắc Việt cưỡng chiếm. Nhưng giặc từ bộ đội, chiến xa, pháo binh kể cả đặc công, đã hoàn toàn bị chặn đứng bên bờ bắc sông Mỹ Chánh bởi Lữ Đoàn 368 Thủy quân lục chiến do Đại tá Chung chỉ huy. Nhờ Lữ Đoàn này ngăn được bước tiến của quân Bắc Việt, nên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, với vị Tư lệnh mới là Trung tướng Ngô Quang Trưởng (thay Tướng Hoàng Xuân Lãm), mới có đủ thì giờ chỉnh đốn lại các đơn vị và mở cuộc tấn công tái chiếm Quảng Trị. Sau đó củng cố thành Đỉnh Công Tráng, coi như cũng được hoàn toàn giải phóng vào đêm 14/9/1972, khi người lính của Đại Đội 3, Tiểu đoàn 3 TQLC, treo được ngọn cờ vàng ba sọc đỏ của Quốc Dân VNCH trên kỳ đài. Những tên bộ đội cuối cùng của Trung đoàn 48 cộng sản, lội sông trốn chạy về bờ Bắc Thạch Hãn, sau 82 ngày bám trụ.

4. Nguyên nhân và hậu quả cuộc chiến 1972:

Đầu năm 1972, Hoa Kỳ đang bước vào chu kỳ mới với việc tổng thống Nixon ra tranh cử nhiệm kỳ hai, trong lúc hòa đàm tại Ba Lê giữa Mỹ và Bắc Việt lại bế tắc. Cùng lúc phong trào phản chiến, do trí thức, báo chí, truyền thanh truyền hình Mỹ chủ xướng, đang dâng cao; còn quốc hội Mỹ, dưới sự chi phối của đảng dân chủ, lần lượt cắt bỏ quyền của Tổng thống Nixon đối với sự tham chiến tại VN. Cuối cùng Mỹ rút hết quân về nước, QLVNCH bị cắt giảm hỏa lực và quân trang dụng. Đó là những lý do khiến Hà Nội đốt giai đoạn, vượt tuyến tấn công ào ạt vào khắp lãnh thổ VNCH vào mùa hè năm 1972.

Nhưng dù đã được Nga–Tàu quân viện và bán chịu cho một số lượng quân dụng khổng lồ, tối tân như chiến xa T54, 55, PT76, đại bác 130, 155ly, súng phòng không 23, 57 và hỏa tiễn tầm nhiệt SA7 (nợ chiến phí này ngày nay VC đem đất đảo biển VN trả nợ cho Tàu đỏ). Đồng thời sử dụng hết số 13 Sư Đoàn tác chiến tại miền Bắc, quân số trên 136,400 người, bất thần mở cuộc tấn công khắp lãnh thổ VNCH... Tuy nhiên Bắc Việt chỉ thắng lợi lúc ban đầu, rồi thì sau đó đại bại hầu hết trên khắp các mặt trận, cho dù Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã sử dụng binh pháp của Liên Xô, tận dụng triệt để hỏa lực của đại pháo, xe tăng và biển người, với mục đích đè bẹp nhanh chóng QLVNCH.

Đối với Hoa Kỳ, khi nhận được tin Bắc Việt vượt vĩ tuyến 17, qua sông Bến Hải và biên giới Lào–Miên tấn công miền Nam. Tổng thống Nixon họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, quyết định cho phép Hải Không Quân Hoa Kỳ, trở lại yểm trợ hỏa lực cho QLVNCH. Ngoài ra bộ binh không được tham dự, đồng thời cuộc rút quân Mỹ về nước vẫn tiếp tục. Do đó Mỹ bắt đầu gia tăng các lực lượng yểm trợ, chiến đấu tại VN. Hai hàng không Constellation và Kitty Hawk, trở lại tăng cường cho hai Hàng không mẫu

hạm Corral Sea và Hancock, cùng một số lớn tàu tuần duyên, khu trục hạm, có mặt quanh Cửa Việt trên 20 chiếc. Về Không Quân, từ ngày 15/4/1972, Phi đoàn 35 chiến thuật, cùng với 3 phi đoàn F4 của TQLC Mỹ, đều trở lại VN. Đồng thời tất cả B52 tại hai căn cứ Anderson Field (Guam) và Utapao (Thái Lan), gồm 38 chiếc, cũng được lệnh yểm trợ cho chiến trường VN. Ngoài ra, tổng thống Nixon còn ra lệnh vào ngày 2/5/1972, mở chiến dịch Linebacker I, tái oanh tạc miền Bắc, nhất là tại Hà Nội, Hải Phòng. Đồng thời thả mìn và thủy lôi, phong tỏa các cửa sông, cửa biển của Bắc Việt, ngăn chặn các tàu thuyền của Nga, Tàu và các nước Đông Âu, tiếp tế vũ khí đạn dược cho cộng sản Hà Nội. Sau đó mở thêm chiến dịch Linebacker II, kéo dài trong 11 ngày đêm, từ 18/12 đến 29/12/1972, tàn phá miền Bắc rất nặng nề, khiến cho Hà Nội phải trở lại bàn hội nghị, tại Ba Lê với Mỹ.

Trong trận chiến này, VNCH có hai Sư Đoàn bộ binh bị tan hàng, đó là SĐ22BB ở Tân Cảnh (Kontum) và SĐ3BB tại Quảng Trị. Nhưng sự tan hàng và cung cách hành xử của hai tư lệnh Sư Đoàn trên cũng khác biệt. Tại Kontum lúc 2 :00g sáng ngày 24/4/1972, cộng quân tràn ngập căn cứ Tân Cảnh do SĐ22BB trấn giữ. Đại tá Lê Đức Đạt tư lệnh, đã từ chối lời mời của Đại tá cố vấn Mỹ là Kaplan, lên trực thăng cấp cứu của cố vấn Mỹ tại QĐII là Paul Vann. Ông cũng không cầu cứu với Tướng Ngô Du Tư lệnh Quân Đoàn, chịu ở lại để cùng chết với binh sĩ của SĐ22BB. Riêng SĐ3BB, trừ Trung đoàn 2BB, còn lại hai Trung đoàn 56 và 57, chưa đụng trận mà chỉ bị pháo kích, đã náo loạn và bỏ chạy. Còn Tướng Vũ Văn Giai, Tư lệnh SĐ, hứa ở lại, để cùng di tản bộ với đơn vị. Nhưng rồi lại thất hứa, leo lên trực thăng để di tản với cố vấn Mỹ lúc 16:40g ngày 1/5/1972, bỏ lại binh sĩ của Bộ Tư Lệnh và Đại Đội Tổng Hành Dinh của SĐ3BB, như rắn mất đầu, phải chạy theo Thiết Đoàn 18 về Huế.

Ngoài ra cũng còn rất nhiều chuyện lạ như lúc quân Bắc Việt qua sông Bến Hải, tràn ngập và tấn công QLVNCH, thì người Mỹ lại dờ dờ chủ nhân, làm cho VNCH đang lúc nguy khốn lại càng tận tuyệt. Theo Turley trong The Easter Offensive, thì việc Bộ tư lệnh KQ Mỹ, cấm tác xạ vào vùng phi quân sự tại miền Bắc tỉnh Quảng Trị, trong phạm vi đường kính 27km, khi tung tin chiếc phi cơ EB66 của một Đại tá Hoa Kỳ, bị hỏa tiễn Sam của cộng quân bắn hạ tại vùng Cam Lộ. Lệnh này được thi hành suốt 12 ngày đầu của trận chiến vùng hỏa tuyến. Tạo cơ hội cho Hà Nội mở một hành lang an toàn, khi di chuyển qua vùng giới tuyến mà không bị máy bay hay pháo binh của ta oanh tạc và tác xạ. Tại căn cứ hỏa lực Ái Tử, trong lúc QLVNCH đang bị giặc vây khốn và pháo kích tơi bời, lại nhận được thông báo từ các cố vấn, rằng B52 sẽ đến thả bom san bằng, khiến cho BTL SĐ3BB phải cấp tốc ban hành lệnh di tản chiến thuật. Đó là tất cả những chuyện khôi hài cười ra nước mắt, khiến cho ai đọc tới, cũng phải chua xót và tủi hổ cho thân phận nhục tiếu VN.

Sau hết là cái tình yêu thương giữa đồng bào và người lính trận trong cơn hoạn nạn, cũng được thể hiện một cách trọn vẹn, qua cuộc chiến 1972. Chính tại những miền đạn bom lửa máu này, những chỗ không bao giờ có bóng dáng các vị trí thức, giáo sư, nhà báo, ký giả hay nhà văn nhà thơ gì gì đó, mà chỉ có người dân cùng người lính chia nhau niềm

đau khổ, đói rách và khủng hoảng tinh thần. Người quốc gia, từ công chức, cảnh sát, cán bộ cho tới các quân binh chủng của QLVNCH, ai nấy đều chấp nhận cái chết, chịu ở lại, đổi mạng mình, để đem lại sự bình an hạnh phúc cho hậu phương. Thấm thiết biết là bao, đó là sự đùm bọc đồng bào như chính bản thân mình. Những khẩu phần lương khô ít ỏi, những ngụm nước uống thiếu vệ sinh cùng với những sốt chia sự nguy hiểm xung quanh, đều là những viên thuốc thần dược, xoa dịu và an ủi niềm đau bất hạnh của đồng bào trong lúc nguy khốn. Chẳng những thế, đối với cán binh bộ đội giặc, bị bắt làm tù binh, cũng được người lính đối xử nhân đạo với tình đồng bào, mà không hề phân biệt Nam-Bắc, dù thực chất Hà Nội luôn coi đồng bào miền Nam là kẻ tử thù.

Trần Đức, một người lính Nhảy Dù trên đường tiến quân tái chiếm Quảng Trị, khi ngang qua Đại Lộ Kinh Hoàng, đã không cầm nổi nước mắt, giữa hàng trăm, hàng ngàn xác chết bên cạnh những chiếc xe đạp, xe gắn máy, nằm ngổn ngang, chông gọng, những gông gánh, bao bọc... bị đạn pháo đổ ra tung tóe. Những chiếc xe jeep, xe thùng hông thập tự, vết đạn xuyên lỗ chỗ. Ngọn gió Lào nóng rát mặt đẩy đưa cánh cửa xe cho thấy những xác người nằm trên băng ca, những cộng băng phát phơ chỉ còn bám vào bộ xương khô bởi mấy rễ xương sườn. Có bộ xương em bé nằm trên bộ xương người mẹ dưới một bụi gai. Có xác khô đét như người tiền sử nằm giữa đám cỏ may bên lề đại lộ. Có xác nằm sấp, có xác nằm co như còn mong bờ đất dưới ruộng che chở cho mình thoát tầm đạn giặc. Đó đây, giữa đám xác người, rải rác những đôi đạn súng cối 61ly và B40.

Thì ra cộng quân đã đứng rất gần để tác xạ vào đám dân Quảng Trị chạy loạn. Họ đã bắn như bắn bia. Bắn cho chết đến người cuối cùng. Bất kể đàn ông, đàn bà. Bất kể người già hay trẻ thơ. Thật là rừng rợn. Hình ảnh này trong trận tấn công “Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972” ghi sâu mãi mãi trong ký ức của những người đã chứng kiến thảm cảnh người dân Quảng Trị phải gánh chịu và tội ác chiến tranh của cộng sản Bắc Việt.

Đoạn đường mang tên “Đại Lộ Kinh Hoàng” nay không còn xác chết, không còn dấu vết của tội ác. Họ đã được thân nhân mang về mai táng ngay sau đó. Sau tháng 5/1975, đất nước đắm chìm trong tù ngục nô lệ của thực dân VC, vì vậy hằng năm đến ngày giỗ tập thể, hàng ngàn gia đình ở vùng quê hương Quảng Trị chỉ âm thầm thấp nén hương thơm tưởng nhớ. Không ai dám hé răng nửa lời. Có những người không còn thân nhân thì mồ hoang, mả lạnh, không chút khói hương. Nghĩ đến xót xa làm sao! Họ đã chết tức tưởi mà đến nay họ còn u uất nơi bờ cao bụi rậm, không sao siêu thoát được. Hẳn họ không sao có thể ngờ được là nhiều năm sau, người đời vẫn còn nhớ thương họ.

Vào ngày 28/4 đến ngày 2/5/2002 vừa qua, Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh Quảng Trị đã tổ chức tại chùa Long An thuộc quận Triệu Phong đàn tràng cầu siêu cho những nạn nhân bị cộng sản sát hại trong trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 tại Quảng Trị, mặc dù chính quyền địa phương đã cho cán bộ đi từng nhà để ngăn cản, đe dọa, chặn đường, cấm cho thuê xe. Thượng tọa Thích Hải Tạng, trụ trì chùa Long An cho biết, nhân dịp này, đồng bào đã mang hàng trăm linh vị các nạn nhân của cộng sản trong Mùa Hè Đỏ Lửa đến chùa để xin được giải oan siêu thoát.

Nghệt ngã của Dân Tộc Việt là thế đó. Vậy mà còn nhiều tên việt gian tại hải ngoại cứ đứng đưng ca tụng Hồ và đòi hòa hợp hoà giải với vòng ôm lớn cùng VC.

Viết tại Xóm Cồn Hạ Uy Di
MƯỜNG GIANG



*Nguồn: Internet eMail by **batkhuat nguyen chuyển***

*Đăng ngày Chúa Nhật, March 10, 2024
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*